

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Cẩm
- Ông Bùi Hoàng Ân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc: “tranh chấp ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1985 “vắng mặt”.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn B “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã Th, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N thành hôn vào năm 2008 có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 12/3/2013. Thời gian chung sống được 15 năm, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau không hạnh phúc, vì vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, sống không hợp nhau nên vợ chồng không còn sống chung khoảng một năm nay. Chị

xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 19/11/2008 và Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2015 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của nguyên đơn chị T, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn anh Nguyễn Văn N nhưng bị đơn không đến tham gia phiên họp, hòa giải. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh N.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do, người làm chứng đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Trương Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 19/11/2008 và Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2015 cho chị T nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp 300.000đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, chị T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về con chung với anh Nguyễn Văn N có địa chỉ: ấp P, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm T có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt không lý do mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn B có ý kiến xin vắng mặt nên căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn N thành hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Vĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 12/3/2013 là hợp pháp và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Trương Thị Cẩm T cho rằng, quá trình chung sống được 15 năm, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau không hạnh phúc vì vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, sống không hợp nhau nên vợ chồng không còn sống chung khoảng một năm nay. Lời trình bày của nguyên đơn cũng phù hợp với trình bày của người làm chứng. Mặt khác sự việc ly hôn Tòa án mời nhiều lần hòa giải nhằm giúp vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N không đến. Từ đó, xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 19/11/2008 và Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2015 hiện đang sống với chị T. Xét từ khi chị T và anh N không còn sống chung với nhau thì hai con chung sống với chị T cuộc sống cũng đảm bảo. Ngoài ra, cháu Tuyền và cháu Ngân có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn muốn sống với mẹ, hai cháu là con gái cần sự chăm sóc của người mẹ, anh N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị T nên giao hai con cho chị T nuôi,

anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 81,82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Cẩm T là người trực tiếp nuôi con chung nhưng chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng, anh N không có ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Trương Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung:

Giao hai con chung là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 19/11/2008 và Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh ngày 09/01/2015 cho chị Trương Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Thị Cẩm T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004229 ngày 03/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
 - Thi hành án dân sự huyện T;
 - Ủy ban nhân dân xã T
- (Giấy kết hôn số: số 16, ngày 12/3/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong